



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước
trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục
vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026”**

**BẢN TIN TUẦN 4 THÁNG 2
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22/2 - 28/2/2026**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

Đơn vị thực hiện: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội – 21/2/2026



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026”

**BẢN TIN TUẦN 4 THÁNG 2
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22/2 - 28/2/2026**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ **CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

Th.S Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2025” do Cục Quản lý và Xây dựng CTTL. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2026, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 6 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 1, 2, 3, 4, 7 và 8 (1 đợt/ tháng); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/tháng tại các vị trí lấy mẫu trong tháng quan trắc (các tháng 2, 3, 4 và 3 tuần đầu tháng 7). Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Báo tin tuần 4 tháng 2 là kết quả dự báo các thông số DO, BOD₅ và NH₄⁺ từ ngày 22/2 - 28/2/2026.

Hà Nội – 21/2/2026

BẢN TIN TUẦN 4 THÁNG 2

DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22/2 - 28/2/2026

1. Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026”.
2. Ngày dự báo: 21/2/2026
3. Ngày cung cấp thông tin: 21/2/2026
4. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
5. Người cung cấp thông tin: **Th.S Vũ Quốc Chính**
6. Đơn vị nhận thông tin: Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống Bắc Hưng Hải
7. Vị trí dự báo và lấy mẫu quan trắc: 15 vị trí (**bảng 1**)

Bảng 1. Vị trí dự chất lượng nước hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải năm 2026

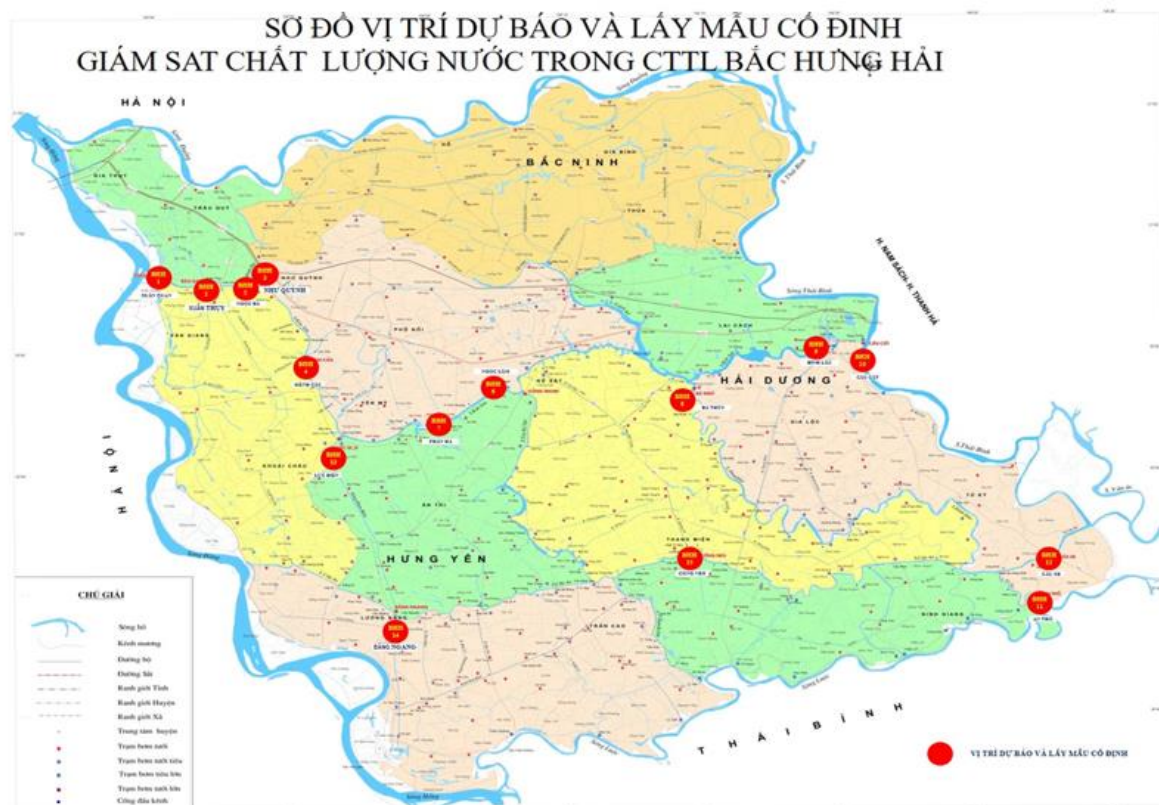
<i>TT</i>	<i>KH mẫu</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Tọa độ</i>	<i>Mục đích</i>
1	BHH 1	Cổng Xuân Quan	Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 58'19.3" E105 ⁰ 55'10.7"	Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	Xã Gia Lâm, TP Hà Nội	N20 ⁰ 58'13.7" E105 ⁰ 56'58.1"	Kiểm tra nước kênh Cầu Bậy trước khi chảy ra kênh Kim Sơn. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp trên địa bàn các Phường Long Biên, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, xã Gia Lâm và Bát Tràng thuộc TP Hà Nội.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 59'05.5" E105 ⁰ 58'48.2"	Kiểm tra nước kênh Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh lấy nước qua TB Như Quỳnh bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực xã Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang.
4	BHH4	Cổng Kênh Cầu	Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 55'40.7" E106 ⁰ 00'29.0"	Kiểm tra nước kênh Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực các xã Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở và hạ lưu phía Bắc hệ thống. Bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Thành phố Hà Nội xả qua cổng Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ kênh Đình Dù

<i>TT</i>	<i>KH mẫu</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Tọa độ</i>	<i>Mục đích</i>
					ra kênh Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	N20°58'58.2" E105°58'38.7"	Kiểm tra nước kênh Kiền Thành tiêu ra kênh Đình Dù. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên	N20°55'44.1" E106°19'20.7"	Kiểm tra nước kênh Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường thuộc phường Đường Hào, Thượng Hồng (Hưng Yên).
7	BHH7	Cổng Phần Hà	Xã Phạm Ngũ Lão, Tỉnh Hưng Yên	N20°52'25.1" E106°05'21.3"	Kiểm tra nước kênh Hồ Chí Minh trước khi chảy ra kênh Kim Sơn. Bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi - phường Đường Hào (Hưng Yên).
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	Xã Gia lộc, TP Hải Phòng	N20°58'27.8" E106°14'36.1"	Nước kênh Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho các xã Kê Sặt, Bình Giang, Đường An, Thượng Hồng, Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nguyễn Lương Bằng và Nam Thanh Miện, Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc, Trường Tân (TP Hải Phòng)
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	N20°55'44.1" E106°19'20.7"	Nước thải khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh Hải Dương, nước thải sinh hoạt các phường Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Việt Hòa, Thành Đông, Tân Hưng, Thạch Khôi, Tứ Minh, Ái Quốc chảy vào kênh Kim Sơn.
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	P. Hải Dương, TP. Hải Phòng	N20°53'35.12" E106°08'2.36"	Kiểm tra nước tiêu của hệ thống ra sông Thái Bình
11	BHH11	Cổng An Thổ	Xã Nguyên Giáp, Hải Phòng	N20°44'58.0" E106°28'18.5"	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS các xã Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyên Giáp và nước tiêu toàn bộ hệ thống ra sông Luộc.

Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Xã Lạc Phượng, TP Hải Phòng	N20°46'39.1" E106°27'46.6"	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS các xã Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên	N20°54'57.3" E106°01'40.0"	Nước kênh Kim Sơn chảy vào kênh Điện Biên
14	BHH14	Cổng Bằng Ngang	Xã Lương Bằng, Tỉnh Hưng Yên	N20°44'43.6" E106°03'45.3"	Kiểm tra nước kênh Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hợp Cường, Đức Hợp, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh. Bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN
15	BHH15	Cổng Neo	Xã Thanh Miện, TP Hải Phòng	N20°46'54.9" E106°14'39.7"	Kiểm tra nước kênh Cừ An trước khi vào địa giới TP Hải Phòng. Bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.

8. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo trong hệ thống BHH năm 2026

1 KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22/2 - 28/2/2026

1.1 Thông tin chung

a) Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước

Theo bản tin dự báo nguồn nước, dự báo tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trong kỳ dự báo như sau:

- Chế độ mưa: theo Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia, Khoảng ngày 24-25/2 và từ ngày 27/02 đến 01/03 có mưa và mưa nhỏ rải rác. Đêm và sáng trời lạnh

- Cũng theo Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia, mực nước ở trạm Hà Nội dao động, chịu ảnh hưởng của thủy triều và điều tiết từ các thủy điện tuyến trên.

b) Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

Các địa phương trong vùng dự án đang trong giai đoạn đồ ải gieo cấy vụ Đông Xuân 2026.

c) Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Thời kỳ dự báo nằm trong giai đoạn tích trữ nước vào hệ thống trước khi đồ ải. Vận hành các công trình như sau:

- + Xuân Quan, Báo Đáp: trữ nước hạ lưu;
- + TB Xuân Quan: vận hành linh hoạt;
- + Kênh Cầu: mở thông;
- + Bá Thủy: trữ nước thượng lưu;
- + Neo: trữ nước thượng lưu;
- + Cầu Xe, An Thổ: lấy nước ngược;
- + Âu thuyền Cầu Cát: lấy nước ngược.

1.2 Kết quả dự báo chất lượng nước từ ngày 22/2 - 28/2/2026

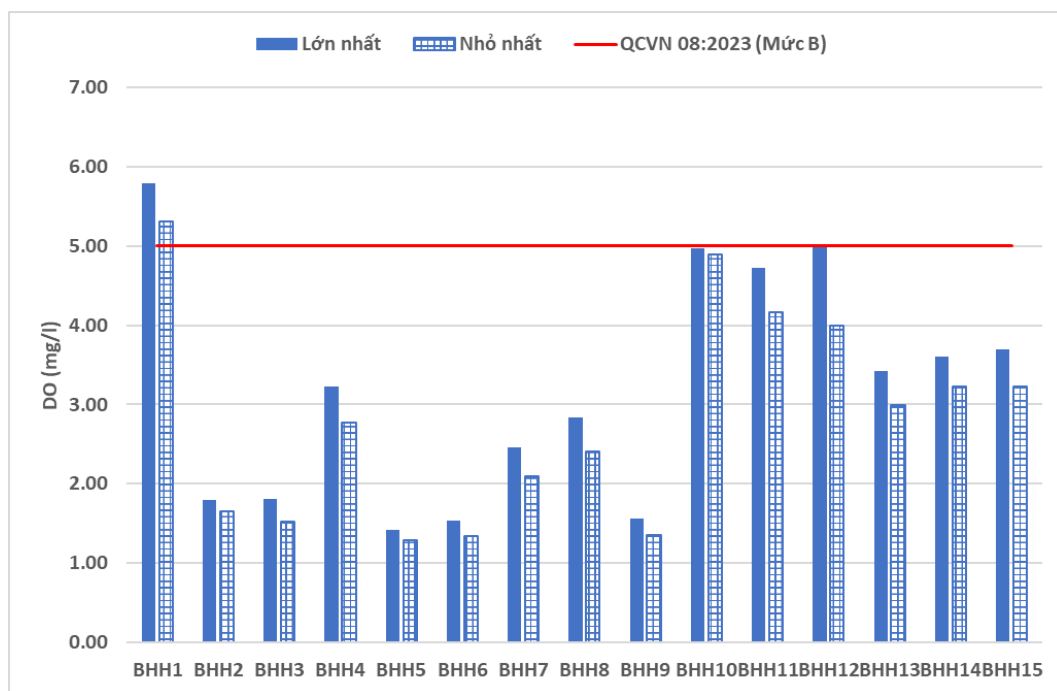
a) Dự báo thông số DO

Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc từ 22/2 - 28/2/2026 được tổng hợp trong Bảng 2 và Hình 2 và 3.

Bảng 2: Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
1	BHH1	Xuân Quan	5,50	5,33	5,54	5,78	5,31	5,31	5,79	5,51
2	BHH2	Xuân Thụy	1,75	1,65	1,70	1,68	1,80	1,69	1,77	1,72
3	BHH3	Như Quỳnh	1,60	1,77	1,76	1,53	1,54	1,52	1,81	1,65
4	BHH4	Kênh Cầu	3,18	3,22	3,12	3,15	2,98	2,77	3,23	3,09
5	BHH5	Ngọc Đà	1,38	1,42	1,40	1,29	1,37	1,33	1,34	1,36
6	BHH6	Ngọc Lâm	1,35	1,50	1,48	1,46	1,34	1,54	1,34	1,43
7	BHH7	Phân Hà	2,21	2,21	2,26	2,45	2,31	2,46	2,09	2,28
8	BHH8	Bá Thủy	2,46	2,49	2,69	2,84	2,41	2,63	2,64	2,59

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
9	BHH9	Bình Lâu	1,35	1,46	1,41	1,35	1,56	1,43	1,40	1,42
10	BHH10	Cầu Cát	4,86	4,96	5,24	4,59	4,95	4,92	4,84	4,93
11	BHH11	An Thổ	4,56	4,16	4,49	4,26	4,44	4,53	4,72	4,45
12	BHH12	Cầu Xe	4,51	4,72	4,00	4,32	4,68	4,99	4,34	4,51
13	BHH13	Lực Điền	2,99	3,12	3,31	3,08	3,40	3,42	3,06	3,20
14	BHH14	Bằng Ngang	3,26	3,53	3,23	3,60	3,60	3,48	3,55	3,46
15	BHH15	Cổng Neo	3,33	3,61	3,70	3,42	3,46	3,23	3,46	3,46
QCVN 08:2023 (Mức B)			≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5



Hình 2: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo DO

Dựa trên Bảng 2 – Kết quả dự báo DO giai đoạn 22/2–28/2/2026 và đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT – Mức B ($DO \geq 5$ mg/L), có thể nhận xét về kết quả dự báo DO như sau:

- Có 1/15 vị trí có hàm lượng DO trung bình đạt Mức B ($DO \geq 5$ mg/L), đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo QCVN 08:2023/BTNMT là Xuân Quan ($DO_{tb} = 5,51$ mg/L).

- 3/15 vị trí có hàm lượng DO trung bình trong khoảng $4 \leq DO < 5$ mg/L, chất lượng nước trung bình nhưng chưa đạt quy chuẩn, gồm: Cầu Cát, An Thổ và Cầu Xe.

- 11/15 vị trí còn lại có hàm lượng DO trung bình < 4 mg/L, nước có chất lượng xấu đến rất xấu, nguy cơ thiếu oxy kéo dài, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bá Thủy, Bình Lâu, Lực Điền, Bằng Ngang và Cổng Neo.

Trong giai đoạn 22/2–28/2/2026, chất lượng DO trong hệ thống Bắc Hưng Hải không có cải thiện đáng kể so với các đợt dự báo trước. Số vị trí đạt quy chuẩn vẫn duy trì

ở mức rất thấp (1/15 điểm), trong khi phần lớn các vị trí tiếp tục duy trì ở mức $DO < 4$ mg/L. Đáng chú ý, các điểm Ngọc Đà, Bình Lâu và Ngọc Lâm vẫn duy trì DO rất thấp (1,3–1,4 mg/L), cho thấy tình trạng suy giảm oxy nghiêm trọng và kéo dài. Điều này phản ánh áp lực ô nhiễm hữu cơ và nitơ trong hệ thống vẫn lớn và chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt trong giai đoạn cuối tháng 2/2026..



Hình 3: Bản đồ dự báo DO

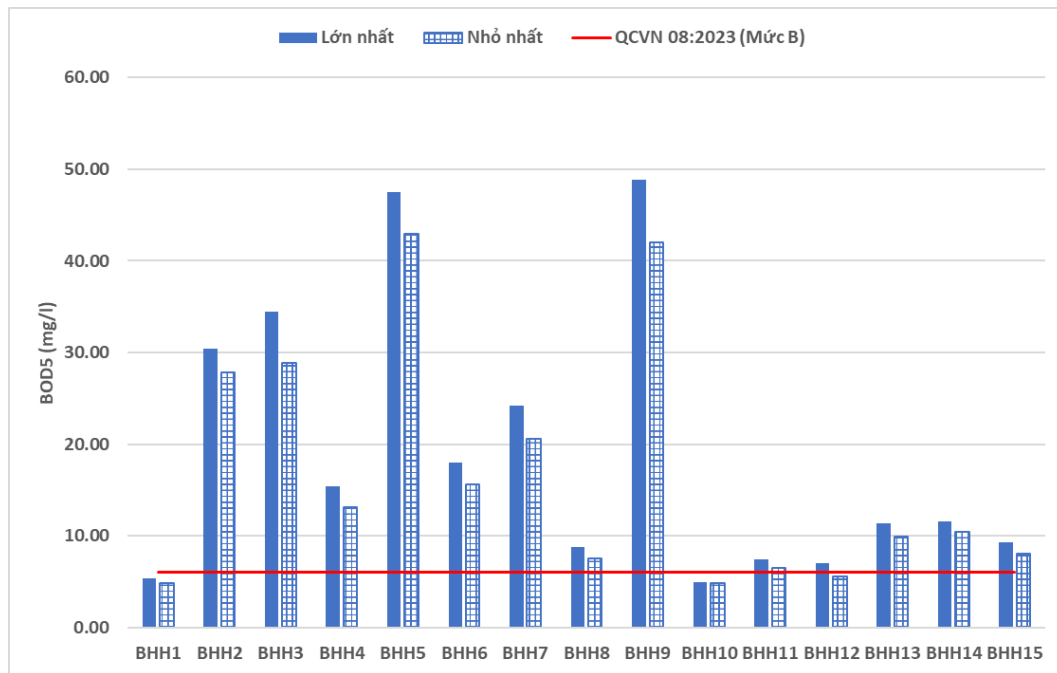
b) Dự báo thông số BOD_5

Kết quả dự báo thông số BOD_5 tại các vị trí quan trắc từ 22/2 - 28/2/2026 được tổng hợp trong Bảng 3 và Hình 4 và 5.

Bảng 3: Kết quả dự báo thông số BOD_5 tại các vị trí quan trắc

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
1	BHH1	Xuân Quan	5,05	4,90	5,09	5,31	4,87	4,87	5,32	5,06
2	BHH2	Xuân Thủy	29,57	27,86	28,64	28,41	30,44	28,59	29,92	29,06
3	BHH3	Như Quỳnh	30,36	33,62	33,51	29,01	29,22	28,84	34,47	31,29
4	BHH4	Kênh Cầu	15,17	15,35	14,85	15,00	14,19	13,18	15,37	14,73
5	BHH5	Ngọc Đà	46,05	47,49	46,58	42,95	45,66	44,35	44,58	45,38
6	BHH6	Ngọc Lâm	15,82	17,60	17,28	17,05	15,65	18,00	15,68	16,73
7	BHH7	Phân Hà	21,80	21,72	22,21	24,16	22,76	24,19	20,56	22,49
8	BHH8	Bá Thủy	7,66	7,75	8,35	8,82	7,50	8,17	8,22	8,07

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
9	BHH9	Bình Lâu	42,05	45,54	44,19	42,27	48,83	44,52	43,83	44,46
10	BHH10	Cầu Cát	6,22	6,35	6,70	5,88	6,34	6,29	6,20	4,93
11	BHH11	An Thổ	7,16	6,54	7,06	6,70	6,99	7,12	7,43	7,00
12	BHH12	Cầu Xe	6,31	6,61	5,60	6,05	6,56	7,00	6,08	6,32
13	BHH13	Lực Điền	9,92	10,34	10,97	10,19	11,27	11,33	10,13	10,59
14	BHH14	Bằng Ngang	10,52	11,39	10,41	11,60	11,60	11,23	11,45	11,17
15	BHH15	Cổng Neo	8,34	9,06	9,29	8,57	8,68	8,09	8,68	8,67
QCVN 08:2023 (Mức B)			≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6



Hình 4: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo BOD_5

Sau đây là một số nhận xét về kết quả dự báo BOD_5 trong đợt dự báo như sau:

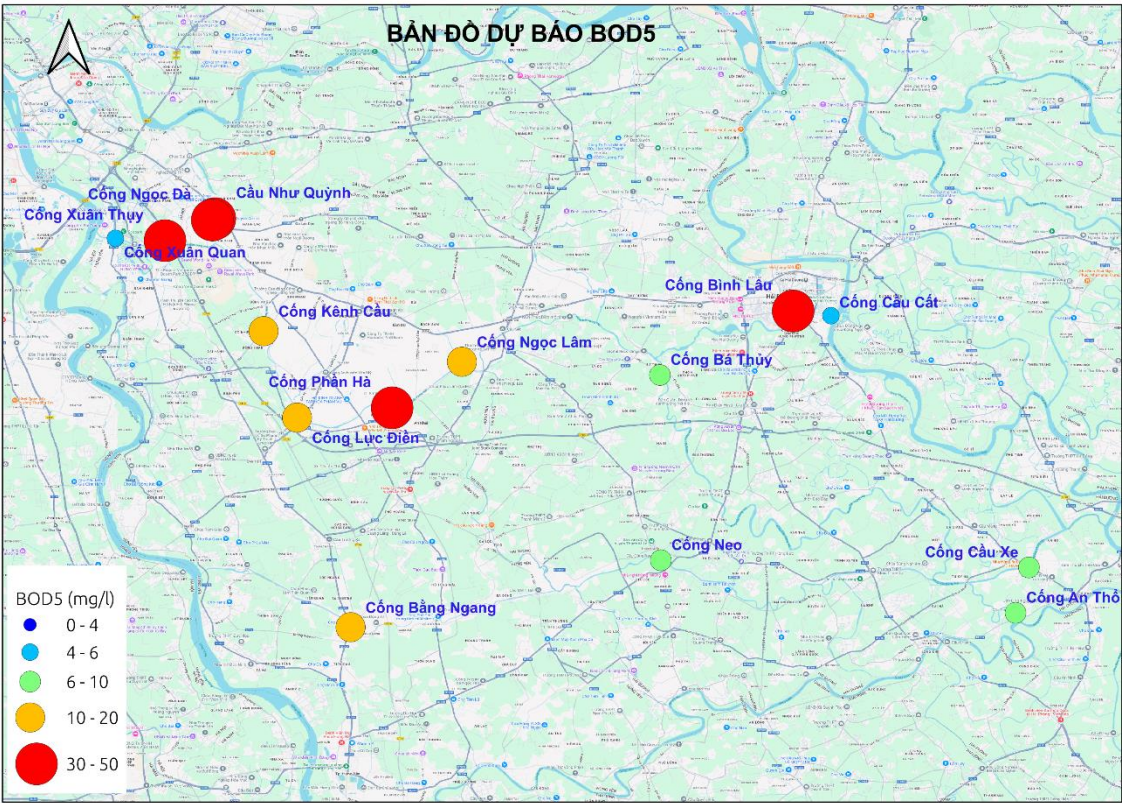
- Có 1/15 vị trí có hàm lượng BOD_5 trung bình đạt Mức B ($BOD_5 \leq 6$ mg/L) – tiêu chuẩn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo QCVN 08:2023/BTNMT, là Xuân Quan ($BOD_{5tb} = 5,06$ mg/L).

- 4/15 vị trí có hàm lượng BOD_5 trung bình nằm trong khoảng $6 < BOD_5 \leq 10$ mg/L (Mức C), chất lượng nước xấu, gồm: Bá Thủy, Cầu Cát, An Thổ và Cổng Neo.

- 10/15 vị trí còn lại có hàm lượng BOD_5 trung bình > 10 mg/L (Mức D), nước có chất lượng rất xấu, ô nhiễm hữu cơ nặng, bao gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bình Lâu, Lực Điền, Bằng Ngang.

Trong giai đoạn 22/2–28/2/2026, hàm lượng BOD_5 tại phần lớn các vị trí tiếp tục duy trì ở mức cao. Các điểm Ngọc Đà, Bình Lâu, Như Quỳnh và Xuân Thụy tiếp tục ghi nhận BOD_5 trung bình rất lớn (từ 29–45 mg/L), phản ánh tình trạng ô nhiễm hữu cơ nghiêm trọng và kéo dài trong hệ thống. So với các đợt trước trong tháng 2, phân bố ô nhiễm gần như không thay đổi: chỉ duy nhất Xuân Quan duy trì đạt chuẩn, trong khi phần lớn các vị

trí vẫn ở mức D, cho thấy tình trạng ô nhiễm mang tính ổn định và chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt.



Hình 5: Bản đồ dự báo BOD₅

c) Dự báo thông số NH₄⁺

Kết quả dự báo thông số NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 22/2 - 28/2/2026 được tổng hợp trong Bảng 4 và Hình 6 và 7.

Bảng 4: Kết quả dự báo thông số NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 22/2 - 28/2/2026

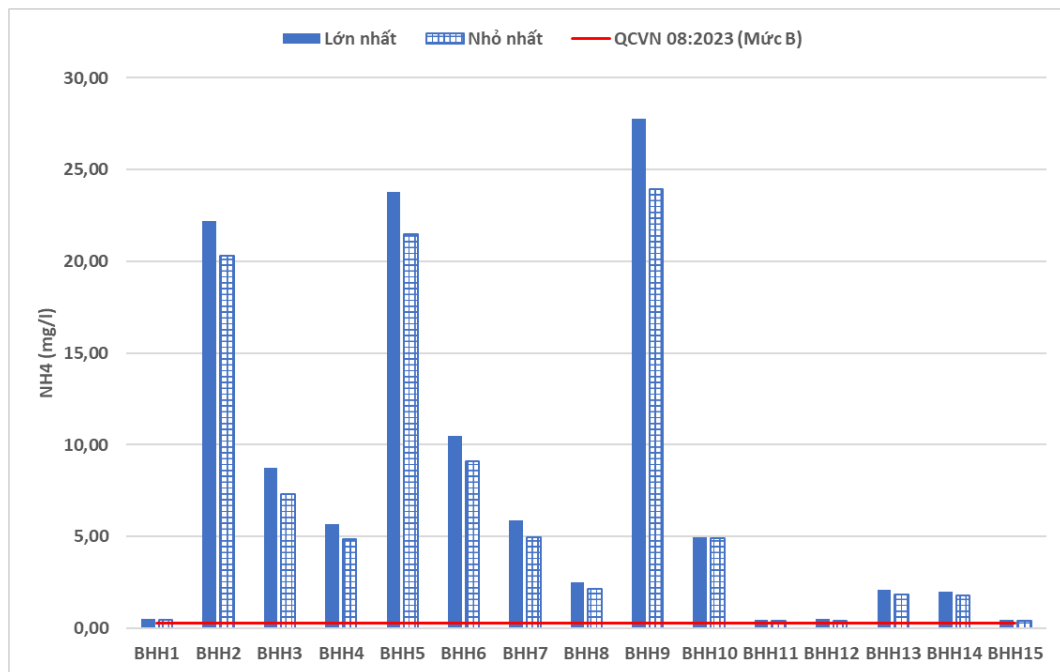
TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
1	BHH1	Xuân Quan	0,48	0,47	0,49	0,51	0,46	0,46	0,51	0,48
2	BHH2	Xuân Thụy	21,55	20,31	20,88	20,71	22,19	20,84	21,81	21,18
3	BHH3	Như Quỳnh	7,71	8,54	8,51	7,37	7,42	7,32	8,75	7,95
4	BHH4	Kênh Cầu	5,60	5,66	5,48	5,53	5,23	4,86	5,67	5,43
5	BHH5	Ngọc Đà	23,03	23,76	23,30	21,49	22,84	22,18	22,30	22,70
6	BHH6	Ngọc Lâm	9,22	10,26	10,08	9,94	9,12	10,50	9,14	9,75
7	BHH7	Phân Hà	5,28	5,26	5,38	5,86	5,52	5,86	4,98	5,45
8	BHH8	Bá Thủy	2,20	2,22	2,40	2,53	2,15	2,35	2,36	2,32
9	BHH9	Bình Lâu	23,93	25,92	25,15	24,06	27,79	25,34	24,95	25,31
10	BHH10	Cầu Cát	0,47	0,48	0,51	0,45	0,48	0,48	0,47	0,48
11	BHH11	An Thổ	0,46	0,42	0,46	0,43	0,45	0,46	0,48	0,45
12	BHH12	Cầu Xe	0,47	0,50	0,42	0,46	0,49	0,53	0,46	0,48

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	
13	BHH13	Lực Điền	1,83	1,91	2,03	1,88	2,08	2,09	1,87	1,96
14	BHH14	Bằng Ngang	1,80	1,95	1,78	1,99	1,99	1,92	1,96	1,91
15	BHH15	Cổng Neo	0,40	0,43	0,44	0,41	0,41	0,39	0,41	0,41
QCVN 08:2023			0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3

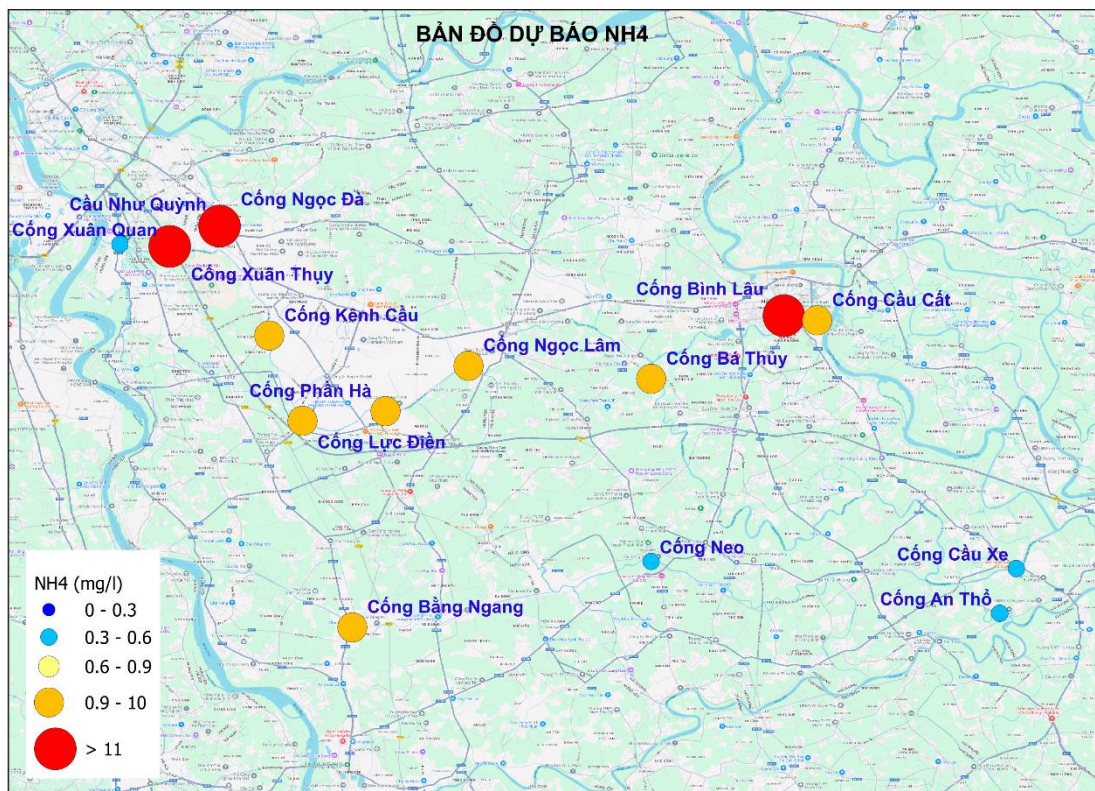
Sau đây là một số nhận xét về kết quả dự báo NH_4^+ trong đợt như sau:

- Không có vị trí nào (0/15) có hàm lượng NH_4^+ trung bình đạt quy chuẩn ($\leq 0,3$ mg/L). Toàn bộ các điểm quan trắc đều vượt quy chuẩn cho phép.
- 5/15 vị trí có hàm lượng NH_4^+ trung bình ở mức vượt thấp ($0,3 < \text{NH}_4^+ \leq 1,0$ mg/L), gồm: Xuân Quan, Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe và Cổng Neo.
- 3/15 vị trí có hàm lượng NH_4^+ trung bình trong khoảng $1,0 < \text{NH}_4^+ \leq 5,0$ mg/L, phản ánh ô nhiễm nitơ ở mức trung bình–cao, gồm: Bá Thủy, Lực Điền và Bằng Ngang.
- 7/15 vị trí còn lại có hàm lượng NH_4^+ trung bình $> 5,0$ mg/L, nước có chất lượng rất xấu, vượt quy chuẩn nhiều lần, bao gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà và Bình Lâu.

Trong giai đoạn 22/2–28/2/2026, hàm lượng NH_4^+ tiếp tục duy trì ở mức cao tại phần lớn các vị trí. Đặc biệt, các điểm Bình Lâu (25 mg/L), Ngọc Đà (23 mg/L) và Xuân Thụy (21 mg/L) ghi nhận giá trị rất lớn, vượt quy chuẩn hàng chục lần, phản ánh tình trạng ô nhiễm nitơ nghiêm trọng và kéo dài trong hệ thống.



Hình 6: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo NH_4^+



Hình 7: Bản đồ dự báo NH₄⁺

2 CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

i) Những vị trí ô nhiễm cần được chú ý khi điều hành lấy nước

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT và kết quả dự báo chất lượng nước giai đoạn 15/2–21/2/2026, chất lượng nước tại các vị trí quan trắc trong hệ thống Bắc Hưng Hải được đánh giá như sau:

- Về thông số DO:

+ Có 1/15 vị trí đạt Mức B ($DO \geq 5$ mg/L): Xuân Quan ($DO_{tb} = 5,51$ mg/L), đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ 3/15 vị trí ở mức C ($4 \leq DO < 5$ mg/L): Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe, chất lượng nước trung bình nhưng chưa đạt quy chuẩn.

+ 11/15 vị trí ở mức D ($DO < 4$ mg/L): Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phan Hà, Bá Thủy, Bình Lâu, Lực Điện, Bằng Ngang, Công Neo, phản ánh tình trạng thiếu oxy nghiêm trọng và kéo dài. Đặc biệt, các vị trí Ngọc Đà, Bình Lâu, Ngọc Lâm duy trì DO rất thấp (1,3–1,5 mg/L).

- Về thông số BOD₅:

+ 1/15 vị trí đạt Mức B ($BOD_5 \leq 6$ mg/L): Xuân Quan ($\approx 5,06$ mg/L).

+ 4/15 vị trí ở mức C ($6 < BOD_5 \leq 10$ mg/L): Bá Thủy, Cầu Cát, An Thổ, Công Neo.

+ 10/15 vị trí ở mức D ($BOD_5 > 10$ mg/L): Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phan Hà, Bình Lâu, Lực Điện, Bằng Ngang, Cầu Xe. Trong đó, Ngọc

Đà (45 mg/L) và Bình Lâu (44 mg/L) là các điểm có mức ô nhiễm hữu cơ đặc biệt cao.

- Về thông số NH_4^+ :

- + Không có vị trí nào (0/15) đạt quy chuẩn ($\leq 0,3$ mg/L).
- + 5 vị trí vượt nhẹ (0,3–1,0 mg/L): Xuân Quan, Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe, Cống Neo.
- + 3 vị trí ở mức trung bình (1–5 mg/L): Bá Thủy, Lục Điền, Bằng Ngang.
- + 7 vị trí có $\text{NH}_4^+ > 5$ mg/L, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bình Lâu. Đặc biệt, Bình Lâu (25 mg/L), Ngọc Đà (23 mg/L), Xuân Thụy (21 mg/L) vượt quy chuẩn hàng chục lần.

Chất lượng nước trong giai đoạn 22–28/02/2026 tiếp tục thể hiện tình trạng ô nhiễm mang tính ổn định – liên tục – theo không gian hệ thống, tập trung nặng tại các khu vực: Xuân Thụy – Ngọc Đà – Bình Lâu – Như Quỳnh – Kênh Cầu.

ii) Về vận hành tưới tiêu

Trên cơ sở kết quả dự báo chất lượng nước nêu trên, kiến nghị công tác vận hành tưới tiêu trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục vận hành linh hoạt các công trình đầu mối, tăng cường trữ nước trong hệ thống tại các thời điểm chất lượng nước đạt yêu cầu; hạn chế tối đa đưa nước ô nhiễm vào hệ thống kênh mương nội đồng, đặc biệt tại các khu vực có $\text{DO} < 4$ mg/L và BOD_5 , NH_4^+ cao.
- Tại cống Xuân Quan, tiếp tục ưu tiên giữ nước trong hệ thống; chỉ xem xét lấy nước khi đảm bảo đồng thời điều kiện thủy văn thuận lợi và chất lượng nước đạt quy chuẩn.
- Đối với cống Cầu Xe và An Thổ, có thể tranh thủ lấy nước ngược khi mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu và chất lượng nước đảm bảo; các thời điểm còn lại cần đóng cống giữ nước hoặc xả nước đệm khi xuất hiện nguy cơ ô nhiễm nặng.
- Đối với các cống Xuân Thụy, Ngọc Đà, Phần Hà và Bình Lâu, khi vận hành tiêu nước cần phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải để thống nhất phương án điều tiết, đồng thời thông báo kịp thời cho địa phương nhằm hạn chế lấy nước vào hệ thống tại thời điểm mở cống.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát nguồn thải, đặc biệt trong thời điểm mở cống lấy nước, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng xả thải trái phép của doanh nghiệp, làng nghề và khu dân cư ven sông/kênh.